

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 10/2010/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 2 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Quy định giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với
sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;
Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;
Căn cứ Luật Dược ngày 14 tháng 6 năm 2005;
Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;
Căn cứ Pháp lệnh Vệ sinh an toàn thực phẩm ngày 07 tháng 8 năm 2003;
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

QUYẾT ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định việc cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm, hàng hóa được sản xuất trong nước để xuất khẩu và việc yêu cầu Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu để lưu thông tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước, thương nhân, nhà sản xuất sản phẩm, hàng hóa và tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại Việt Nam.

Điều 3. Thẩm quyền quản lý CFS sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu; cấp CFS sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu

- Thẩm quyền quản lý CFS sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu, cấp CFS sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu được quy định cụ thể tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.
- Các cơ quan nêu tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm thông báo rõ các địa chỉ nơi đăng ký hồ sơ thương nhân; nơi cấp CFS sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu, nơi kiểm tra CFS sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Free Sale – CFS) là giấy chứng nhận do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp cho thương nhân xuất khẩu sản phẩm, hàng hóa ghi trong CFS để chứng

nhận rằng sản phẩm, hàng hóa đó được sản xuất và được phép lưu hành tự do tại nước xuất khẩu.

CFS bao gồm cả các giấy chứng nhận mang tính đặc thù hoặc mang đầy đủ nội dung của CFS và các loại giấy chứng nhận có nội dung tương tự.

2. Cơ quan quản lý, cấp CFS là cơ quan nhà nước có thẩm quyền được quy định tại Điều 3 Quyết định này.

3. Người đề nghị cấp CFS bao gồm thương nhân xuất khẩu, nhà sản xuất, người đại diện có giấy ủy quyền hợp pháp của thương nhân xuất khẩu hoặc nhà sản xuất.

Chương II

CẤP CFS ĐỐI VỚI SẢN PHẨM, HÀNG HÓA XUẤT KHẨU

Điều 5. Điều kiện cấp CFS

Sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước để xuất khẩu được cấp CFS khi thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Có yêu cầu của thương nhân xuất khẩu.
2. Có tiêu chuẩn công bố áp dụng phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 6. Các thông tin trên CFS

1. CFS có giá trị hiệu lực trong vòng hai (02) năm kể từ ngày cấp.
2. CFS phải được làm trên giấy màu trắng, khổ A4, bằng tiếng Anh và bao gồm những thông tin tối thiểu sau:
 - a) Tên cơ quan cấp CFS;
 - b) Số tham chiếu của CFS;
 - c) Ngày cấp của CFS;
 - d) Tên sản phẩm, hàng hóa được cấp CFS;
 - đ) Loại hoặc nhóm sản phẩm, hàng hóa được cấp CFS;
 - e) Tên và địa chỉ của nhà sản xuất;
 - g) Trên CFS phải ghi rõ là sản phẩm, hàng hóa được sản xuất và bán tự do tại thị trường của nước sản xuất;
 - h) Họ tên, chữ ký, chức danh của người cấp CFS và con dấu của cơ quan cấp CFS.
3. Những thông tin đặc thù khác của từng cơ quan cấp CFS có thể được đưa thêm vào trong CFS tùy theo yêu cầu quản lý.
4. Cơ quan cấp CFS tự in mẫu CFS của mình với đầy đủ thông tin quy định từ khoản 1 đến khoản 3 Điều này.
5. Trường hợp nước nhập khẩu yêu cầu thương nhân nộp CFS theo mẫu CFS do nước đó quy định, cơ quan cấp CFS có thể cấp CFS dựa trên mẫu được yêu cầu.

Điều 7. Trách nhiệm của người đề nghị cấp CFS

Người đề nghị cấp CFS có trách nhiệm:

1. Đăng ký hồ sơ thương nhân với cơ quan cấp CFS theo quy định tại Điều 9 Quyết định này.
2. Nộp hồ sơ đề nghị cấp CFS cho cơ quan cấp CFS theo quy định tại Điều 10 Quyết định này.
3. Thực hiện theo yêu cầu của cơ quan cấp CFS về việc chứng minh hàng hóa xuất khẩu đáp ứng các quy định về yêu cầu cấp CFS.
4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với những khai báo liên quan đến việc đề nghị cấp CFS.

5. Khi phát hiện có những sai sót trên CFS do lỗi của thương nhân, người đề nghị cấp CFS thông báo ngay cho cơ quan cấp CFS để cấp CFS mới thay thế CFS có sai sót; nộp lại CFS có sai sót cho cơ quan cấp CFS để hủy bỏ.

6. Nộp phí và lệ phí cấp CFS theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 8. Trách nhiệm của cơ quan cấp CFS

Cơ quan cấp CFS có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn người đề nghị cấp CFS nếu được yêu cầu.
2. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ thương nhân và hồ sơ đề nghị cấp CFS.
3. Xác minh thực tế về các yêu cầu chất lượng của hàng hóa khi cần thiết.
4. Cấp CFS khi hàng hóa đáp ứng các quy định về CFS tại Quyết định này.
5. Khi phát hiện có sai sót trên CFS đã cấp do lỗi của mình, phải thông báo và cấp lại ngay CFS mới cho thương nhân; thu hồi, hủy bỏ CFS có sai sót.

Điều 9. Đăng ký hồ sơ thương nhân

1. Người đề nghị cấp CFS phải đăng ký hồ sơ thương nhân với cơ quan cấp CFS khi đề nghị cấp CFS lần đầu tiên và chỉ được xem xét cấp CFS khi đã đăng ký hồ sơ thương nhân. Hồ sơ thương nhân bao gồm:

- a) Đăng ký mẫu chữ ký của người được ủy quyền ký đơn đề nghị cấp CFS và con dấu của thương nhân (Phụ lục II);
- b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của thương nhân (bản sao có dấu sao y bản chính);
- c) Giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế (bản sao có dấu sao y bản chính);
- d) Danh mục các cơ sở sản xuất (nếu có) của thương nhân (Phụ lục III).

2. Mọi thay đổi trong hồ sơ thương nhân phải được thông báo cho cơ quan cấp CFS nơi đã đăng ký trước khi đề nghị cấp CFS. Trong trường hợp không có thay đổi, hồ sơ thương nhân vẫn phải được cập nhật hai (02) năm một lần.

3. Trong trường hợp có yêu cầu cấp CFS tại nơi cấp khác với nơi đã đăng ký hồ sơ thương nhân trước đây, người đề nghị cấp CFS gửi văn bản cho cơ quan nơi sẽ xin cấp CFS và phải đăng ký hồ sơ thương nhân tại cơ quan cấp CFS mới.

Điều 10. Hồ sơ đề nghị cấp CFS

Hồ sơ đề nghị cấp CFS bao gồm:

1. Đơn đề nghị cấp CFS (Phụ lục IV) được kê khai hoàn chỉnh và hợp lệ.
2. Bản sao có chứng thực của bản tiêu chuẩn công bố áp dụng đối với sản phẩm, hàng hóa kèm theo cách thể hiện (trên nhãn hàng hóa hoặc trên bao bì hàng hóa hoặc tài liệu kèm theo sản phẩm, hàng hóa).
3. Các giấy tờ khác tùy thuộc vào yêu cầu đặc thù của cơ quan cấp CFS.

Điều 11. Nộp hồ sơ đề nghị cấp CFS

Khi người đề nghị cấp CFS nộp hồ sơ, cán bộ tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng giấy biên nhận hoặc bằng hình thức văn bản khác cho người đề nghị cấp CFS về việc thực hiện một trong những hoạt động sau:

1. Tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp CFS nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ như quy định tại Điều 10 Quyết định này.
2. Trả lại hồ sơ và đề nghị bổ sung chứng từ nếu hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ.

Điều 12. Cấp CFS